

Hà t^n thý sinh:.....SBD:.....

Câu 1: Có 4 dung dịch đựng trong 4 lọ mất nhãn riêng biệt là $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, $\text{Al}(\text{NO}_3)_3$, NaCl , K_2SO_4 . Nếu chỉ được dùng 1 thuốc thử để nhận biết, ta có thể dùng:

- A. NaOH B. H_2SO_4 C. $\text{Ba}(\text{OH})_2$ D. Quỳ tím

Câu 2: Dãy các dung dịch nào sau đây có $\text{pH} < 7$?

- A. NH_4Cl ; $\text{Al}(\text{NO}_3)_3$; NaHSO_4 B. FeCl_3 ; NaHCO_3 ; NaHSO_4
C. K_2SO_4 ; $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$; NaHCO_3 D. NH_3 ; K_2HPO_4 ; NH_4Cl

Câu 3: Trộn 150 ml dung dịch CaCl_2 0,5M vào 50 ml dung dịch NaCl 2M. Nồng độ mol của Cl^- trong dung dịch thu được là:

- A. 1,6M B. 1,25M C. 0,75M D. 0,25M

Câu 4: Chọn nhận xét đúng.

Theo định nghĩa về axit-bazơ của Bronsted thì các ion sau đây:

- A. NH_4^+ , CH_3COO^- , H^+ là axit. B. CO_3^{2-} , HPO_4^{2-} , S^{2-} là bazơ.
C. HPO_4^{2-} , HCO_3^- , HSO_4^- là lưỡng tính. D. PO_4^{3-} , CH_3COO^- , S^{2-} là bazơ.

Câu 5: Trong các dung dịch: HNO_3 , NaCl , Na_2SO_4 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, KHSO_4 , $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$; dãy gồm các chất đều tác dụng được với dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ là:

- A. NaCl , Na_2SO_4 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$. B. HNO_3 , NaCl , Na_2SO_4 .
C. HNO_3 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, KHSO_4 , $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ D. HNO_3 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, KHSO_4 , Na_2SO_4 .

Câu 6: Trường hợp nào sau đây **không** dẫn điện?

- A. **NaCl khan** B. NaCl nóng chảy C. Dung dịch NaCl D. Dung dịch NaOH

Câu 7: Cho các dung dịch có cùng nồng độ mol: CH_3COOH (1), $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$ (2), Na_2HPO_4 (3). Chiều giảm dần độ dẫn điện của các dung dịch trên là:

- A. **(2) > (3) > (1)** B. (1) > (2) > (3) C. (3) > (2) > (1) D. (1) > (3) > (2)

Câu 8: 200 ml gồm MgCl_2 0,3 M; AlCl_3 0,45 M; HCl 0,55 M tác dụng hoàn toàn với V (lít) dung dịch gồm NaOH 0,02 M và $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,01 M. Giá trị của V (lít) để được lượng kết tủa lớn nhất và lượng kết tủa nhỏ nhất lần lượt là:

- A. 12,5 lít và 1,475 lít B. **12,5 lít và 14,75 lít**
C. 1,25 lít và 14,75 lít D. 1,25 lít và 1,475 lít

Câu 9: Có hiện tượng gì xảy ra khi nhỏ từ từ đến dư dd NaOH vào dd AlCl_3 ?

- A. Có kết tủa keo trắng xuất hiện không tan trong NaOH dư
B. Không có hiện tượng gì.
C. **Có kết tủa keo trắng xuất hiện tan trong NaOH dư**
D. Có kết tủa keo trắng xuất hiện không tan trong NaOH dư.

Câu 10: pH của dung dịch CH_3COOH 0,1M ở 25°C bằng bao nhiêu? Biết dung dịch này có độ điện ly 1,3%.

- A. 1,9 B. 3,9 C. 1,0 D. **2,9**

Câu 11: Phản ứng giữa Na_2CO_3 và H_2SO_4 theo tỉ lệ 1:1 về số mol có phương trình ion rút gọn là: (coi như H_2SO_4 phân li hoàn toàn ở cả hai nấc)

- A. $\text{CO}_3^{2-} + 2\text{H}^+ \rightarrow \text{H}_2\text{CO}_3$ B. **$\text{CO}_3^{2-} + \text{H}^+ \rightarrow \text{HCO}_3^-$**
C. $\text{CO}_3^{2-} + 2\text{H}^+ \rightarrow \text{H}_2\text{O} + \text{CO}_2$ D. $2\text{Na}^+ + \text{SO}_4^{2-} \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4$

Câu 12: Chọn câu đúng:

- A. Giá trị pH tăng thì độ axit tăng
B. **Dung dịch có pH < 7 làm quỳ tím hoá xanh**

C. Giá trị pH tăng thì độ axit giảm

D. Dung dịch có pH >7 làm quỳ tím hoá đỏ

Câu 13: Nhóm các dung dịch **không** làm giấy quỳ tím chuyển sang màu xanh là:

A. dung dịch NaOH, dung dịch $C_2H_5NH_2$

B. dung dịch NH_4Cl , dung dịch KBr

C. dung dịch K_2CO_3 , dung dịch CH_3COONa

D. dung dịch CH_3COONa , dung dịch NH_3

Câu 14: Pha loãng 10 ml dung dịch HCl vào nước thành 250 ml dung dịch. Dung dịch thu được có pH = 3. Xác định pH của dung dịch HCl trước khi pha loãng?

A. 1,6

B. 1,8

C. 2,1

D. 2,4

Câu 15: Dung dịch X có hòa tan hai chất CH_3COOH 0,1M và CH_3COONa 0,1M. Biết hằng số axit của CH_3COOH là $K_a = 1,8.10^{-5}$. Giá trị pH của dung dịch X là:

A. 6,7

B. 5,4

C. 3,6

D. 4,74

Câu 16: Có 500 ml dung dịch X chứa Na^+ , NH_4^+ , CO_3^{2-} và SO_4^{2-} . Lấy 100 ml dung dịch X tác dụng với lượng dư dung dịch HCl thu 2,24 lít khí (đktc). Lấy 100 ml dung dịch X cho tác dụng với lượng dư dung dịch $BaCl_2$ thấy có 43 gam kết tủa. Lấy 100 ml dung dịch X tác dụng với lượng dư dung dịch NaOH thu 4,48 lít khí NH_3 (đktc). Tính tổng khối lượng muối có trong 500 ml dung dịch X.

A. 11,9 gam

B. 119 gam

C. 86,2 gam

D. 14,9 gam

Câu 17: Cho các chất: $KAl(SO_4)_2.12H_2O$, C_2H_5OH , $C_{12}H_{22}O_{11}$ (saccarozơ), CH_3COOH , $Ca(OH)_2$, CH_3COONH_4 . Số chất điện li là:

A. 5

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 18: Hãy dự đoán hiện tượng xảy ra khi thêm dd Na_2CO_3 vào dd $AlCl_3$:

A. Có kết tủa keo trắng và sủi bọt khí.

B. Có bọt khí sủi lên.

C. Có kết tủa màu nâu đỏ và sủi bọt khí.

D. Có kết tủa màu nâu đỏ.

Câu 19: Thuốc thử để phân biệt 4 dung dịch Na_2CO_3 , Na_2SO_4 , NaOH, HCl đựng trong 4 lọ mất nhãn riêng biệt là:

A. Dung dịch H_2SO_4

B. Dung dịch $BaCl_2$

C. phenolphthalein

D. Dung dịch $AgNO_3$

Câu 20: Một dung dịch chứa x mol Na^+ , y mol Mg^{2+} , z mol SO_4^{2-} , t mol Cl^- . Hệ thức liên hệ giữa x, y, z, t được xác định là:

A. $x + 2z = y + 2t$

B. $z + 2x = y + t$

C. $x + 2y = 2z + t$

D. $x + 2y = z + 2t$

Câu 21: Phương trình $S^{2-} + 2H^+ \rightarrow H_2S$ là phương trình ion rút gọn của phản ứng:

A. $FeS + 2HCl \rightarrow FeCl_2 + H_2S$

B. $2HCl + K_2S \rightarrow 2KCl + H_2S$

C. $BaS + H_2SO_4 \rightarrow BaSO_4 + H_2S$

D. $2NaHSO_4 + Na_2S \rightarrow 2Na_2SO_4 + H_2S$

Câu 22: Hòa tan 3,66 gam hỗn hợp Na, Ba vào nước dư thu được 800 ml dung dịch A và 0,896 lít H_2 (đktc). pH của dung dịch A bằng:

(Cho: Na = 23, Ba = 137, H = 1, O = 16)

A. 12

B. 1

C. 11

D. 13

Câu 23: Hòa tan các muối sau vào nước NaCl, $AlCl_3$, $NaHCO_3$, $CuSO_4$, $Fe(NO_3)_2$. Số dung dịch tạo môi trường axit là:

A. 3

B. 4

C. 5

D. 1

Câu 24: Cho các phản ứng:

(1): $Zn(OH)_2 + 2HCl \rightarrow ZnCl_2 + 2H_2O$;

(2): $Zn(OH)_2 \rightarrow ZnO + H_2O$;

(3): $Zn(OH)_2 + 2NaOH \rightarrow Na_2ZnO_2 + 2H_2O$;

(4): $ZnCl_2 + 2NaOH \rightarrow Zn(OH)_2 + 2NaCl$.

Phản ứng chứng tỏ $Zn(OH)_2$ có tính lưỡng tính là:

A. (1) và (4)

B. (2) và (4)

C. (2) và (3)

D. (1) và (3)

Câu 25: Trong các muối sau: $BaCl_2$, $NaNO_3$, Na_2CO_3 , K_2S , CH_3COONa , NH_4Cl , $ZnCl_2$, KI. Các muối đều **không** bị thủy phân là:

A. $BaCl_2$, $NaNO_3$, KI

B. Na_2CO_3 , CH_3COONa , NH_4Cl , $ZnCl_2$

C. BaCl_2 , NaNO_3 , Na_2CO_3 , K_2S

D. NaNO_3 , K_2S , ZnCl_2 , KI

Câu 26: Trong các cặp chất dưới đây, cặp chất nào cùng tồn tại trong một dung dịch?

A. NaHSO_4 và NaHCO_3 .

B. CuSO_4 và AlCl_3 .

C. NaAlO_2 và HCl .

D. AgNO_3 và NaCl .

Câu 27: Cho các dung dịch sau: Na_2S , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, K_2CO_3 , $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, NaNO_2 , $\text{Ba}(\text{CH}_3\text{COO})_2$. Số dung dịch có $\text{pH} > 7$ là:

A. 5

B. 4

C. 6

D. 3

Câu 28: Chọn định nghĩa axit, bazơ theo Brønsted:

A. Axit là chất có khả năng cho H^+ , bazơ là chất có khả năng cho H^+

B. Axit là chất có khả năng cho H^+ , bazơ là chất có khả năng nhận H^+

C. Axit là chất có khả năng cho H^+ , bazơ là chất có khả năng cho OH^-

D. Axit là chất có khả năng nhận H^+ , bazơ là chất có khả năng cho H^+

Câu 29: Dung dịch HClO 1M có $K_a = 1,67 \cdot 10^{-5}$ và dung dịch HF 1M có $K_a = 1,25 \cdot 10^{-4}$. Nhận xét nào sau đây là đúng?

A. $\text{pH}(\text{HClO}) < \text{pH}(\text{HF})$

B. $[\text{H}^+](\text{HClO}) < [\text{H}^+](\text{HF})$

C. $[\text{ClO}^-] > [\text{F}^-]$

D. $[\text{ClO}^-] = [\text{F}^-]$

Câu 30: Câu nào sau đây đúng khi nói về sự điện li?

A. Sự điện li là sự phân li một chất dưới tác dụng của dòng điện

B. sự điện li là sự phân li một chất thành ion dương và ion âm khi chất đó tan trong nước hay ở trạng thái nóng chảy.

C. Sự điện li là sự hoà tan một chất vào nước thành dung dịch

D. Sự điện li là quá trình oxi hóa - khử

Cho $\text{Al} = 27$, $\text{Ba} = 137$, $\text{Mg} = 24$, $\text{S} = 32$, $\text{O} = 16$, $\text{H} = 1$, $\text{Na} = 23$, $\text{C} = 12$, $\text{N} = 14$

----- Hết 325 -----

Số sè: 491

Hã tªn thĩ sinh:.....SBD:.....

Câu 1: Dung dịch HClO 1M có $K_a = 1,67 \cdot 10^{-5}$ và dung dịch HF 1M có $K_a = 1,25 \cdot 10^{-4}$. Nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. $[\text{ClO}^-] > [\text{F}^-]$ B. $\text{pH}(\text{HClO}) < \text{pH}(\text{HF})$ C. $[\text{ClO}^-] = [\text{F}^-]$ D. $[\text{H}^+]_{(\text{HClO})} < [\text{H}^+]_{(\text{HF})}$

Câu 2: Trong các dung dịch: HNO_3 , NaCl , Na_2SO_4 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, KHSO_4 , $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$; dãy gồm các chất đều tác dụng được với dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ là:

- A. HNO_3 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, KHSO_4 , $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ B. HNO_3 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, KHSO_4 , Na_2SO_4 .
C. NaCl , Na_2SO_4 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$. D. HNO_3 , NaCl , Na_2SO_4 .

Câu 3: Phương trình $\text{S}^{2-} + 2\text{H}^+ \rightarrow \text{H}_2\text{S}$ là phương trình ion rút gọn của phản ứng:

- A. $2\text{HCl} + \text{K}_2\text{S} \rightarrow 2\text{KCl} + \text{H}_2\text{S}$ B. $\text{FeS} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{FeCl}_2 + \text{H}_2\text{S}$
C. $\text{BaS} + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{BaSO}_4 + \text{H}_2\text{S}$ D. $2\text{NaHSO}_4 + \text{Na}_2\text{S} \rightarrow 2\text{Na}_2\text{SO}_4 + \text{H}_2\text{S}$

Câu 4: Dãy các dung dịch nào sau đây có $\text{pH} < 7$?

- A. FeCl_3 ; NaHCO_3 ; NaHSO_4 B. NH_3 ; K_2HPO_4 ; NH_4Cl
C. NH_4Cl ; $\text{Al}(\text{NO}_3)_3$; NaHSO_4 D. K_2SO_4 ; $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$; NaHCO_3

Câu 5: Trong các cặp chất dưới đây, cặp chất nào cùng tồn tại trong một dung dịch?

- A. CuSO_4 và AlCl_3 . B. NaAlO_2 và HCl . C. AgNO_3 và NaCl . D. NaHSO_4 và NaHCO_3 .

Câu 6: Một dung dịch chứa x mol Na^+ , y mol Mg^{2+} , z mol SO_4^{2-} , t mol Cl^- . Hệ thức liên hệ giữa x, y, z, t được xác định là:

- A. $x + 2z = y + t$ B. $x + 2y = 2z + t$ C. $z + 2x = y + t$ D. $x + 2y = z + 2t$

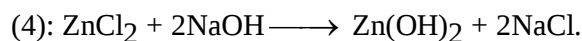
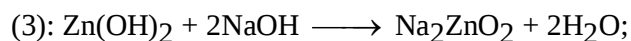
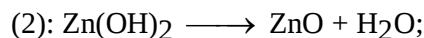
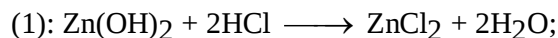
Câu 7: Nhóm các dung dịch không làm giấy quỳ tím chuyển sang màu xanh là:

- A. dung dịch CH_3COONa , dung dịch NH_3
B. dung dịch NH_4Cl , dung dịch KBr
C. dung dịch K_2CO_3 , dung dịch CH_3COONa
D. dung dịch NaOH , dung dịch $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$

Câu 8: Phản ứng giữa Na_2CO_3 và H_2SO_4 theo tỉ lệ 1:1 về số mol có phương trình ion rút gọn là: (coi như H_2SO_4 phân li hoàn toàn ở cả hai nấc)

- A. $\text{CO}_3^{2-} + 2\text{H}^+ \rightarrow \text{H}_2\text{CO}_3$ B. $\text{CO}_3^{2-} + \text{H}^+ \rightarrow \text{HCO}_3^-$
C. $\text{CO}_3^{2-} + 2\text{H}^+ \rightarrow \text{H}_2\text{O} + \text{CO}_2$ D. $2\text{Na}^+ + \text{SO}_4^{2-} \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4$

Câu 9: Cho các phản ứng:



Phản ứng chứng tỏ $\text{Zn}(\text{OH})_2$ có tính lưỡng tính là:

- A. (1) và (4) B. (1) và (3) C. (2) và (3) D. (2) và (4)

Câu 10: Chọn câu đúng:

- A. Dung dịch có $\text{pH} < 7$ làm quỳ tím hoá xanh
B. Giá trị pH tăng thì độ axit giảm
C. Giá trị pH tăng thì độ axit tăng
D. Dung dịch có $\text{pH} > 7$ làm quỳ tím hoá đỏ

Câu 11: pH của dung dịch CH_3COOH 0,1M ở 25°C bằng bao nhiêu? Biết dung dịch này có độ điện ly 1,3%.

- A. 2,9 B. 1,0 C. 1,9 D. 3,9

Câu 12: Có 4 dung dịch đựng trong 4 lọ mất nhãn riêng biệt là $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, $\text{Al}(\text{NO}_3)_3$, NaCl , K_2SO_4 . Nếu chỉ được dùng 1 thuốc thử để nhận biết, ta có thể dùng:

- A. Quỳ tím B. $\text{Ba}(\text{OH})_2$ C. NaOH D. H_2SO_4

Câu 13: Hòa tan 3,66 gam hỗn hợp Na , Ba vào nước dư thu được 800 ml dung dịch A và 0,896 lít H_2 (đktc). pH của dung dịch A bằng:

(Cho: $\text{Na} = 23$, $\text{Ba} = 137$, $\text{H} = 1$, $\text{O} = 16$)

- A. 12 B. 11 C. 1 D. 13

Câu 14: Trộn 150 ml dung dịch CaCl_2 0,5M vào 50 ml dung dịch NaCl 2M. Nồng độ mol của Cl^- trong dung dịch thu được là:

- A. 1,6M B. 0,25M C. 0,75M D. 1,25M

Câu 15: Chọn định nghĩa axit, bazơ theo Brønsted:

- A. Axit là chất có khả năng cho H^+ , bazơ là chất có khả năng cho H^+
B. Axit là chất có khả năng cho H^+ , bazơ là chất có khả năng cho OH^-
C. Axit là chất có khả năng nhận H^+ , bazơ là chất có khả năng cho H^+
D. Axit là chất có khả năng cho H^+ , bazơ là chất có khả năng nhận H^+

Câu 16: Có 500 ml dung dịch X chứa Na^+ , NH_4^+ , CO_3^{2-} và SO_4^{2-} . Lấy 100 ml dung dịch X tác dụng với lượng dư dung dịch HCl thu 2,24 lít khí (đktc). Lấy 100 ml dung dịch X cho tác dụng với lượng dư dung dịch BaCl_2 thấy có 43 gam kết tủa. Lấy 100 ml dung dịch X tác dụng với lượng dư dung dịch NaOH thu 4,48 lít khí NH_3 (đktc). Tính tổng khối lượng muối có trong 500 ml dung dịch X.

- A. 119 gam B. 11,9 gam C. 14,9 gam D. 86,2 gam

Câu 17: Câu nào sau đây đúng khi nói về sự điện li?

- A. Sự điện li là quá trình oxi hóa - khử
B. Sự điện li là sự hoà tan một chất vào nước thành dung dịch
C. sự điện li là sự phân li một chất thành ion dương và ion âm khi chất đó tan trong nước hay ở trạng thái nóng chảy.
D. Sự điện li là sự phân li một chất dưới tác dụng của dòng điện

Câu 18: Chọn nhận xét đúng.

Theo định nghĩa về axit-bazơ của Brønsted thì các ion sau đây:

- A. NH_4^+ , CH_3COO^- , H^+ là axit. B. HPO_4^{2-} , HCO_3^- , HSO_4^- là lưỡng tính.
C. CO_3^{2-} , HPO_4^{2-} , S^{2-} là bazơ. D. PO_4^{3-} , CH_3COO^- , S^{2-} là bazơ.

Câu 19: Trường hợp nào sau đây không dẫn điện?

- A. Dung dịch NaOH B. Dung dịch NaCl C. NaCl khan D. NaCl nóng chảy

Câu 20: 200 ml gồm MgCl_2 0,3 M; AlCl_3 0,45 M; HCl 0,55 M tác dụng hoàn toàn với V (lít) dung dịch gồm NaOH 0,02 M và $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,01 M. Giá trị của V (lít) để được lượng kết tủa lớn nhất và lượng kết tủa nhỏ nhất lần lượt là:

- A. 1,25 lít và 14,75 lít B. 1,25 lít và 1,475 lít
C. 12,5 lít và 14,75 lít D. 12,5 lít và 1,475 lít

Câu 21: Dung dịch X có hòa tan hai chất CH_3COOH 0,1M và CH_3COONa 0,1M. Biết hằng số axit của CH_3COOH là $K_a = 1,8 \cdot 10^{-5}$. Giá trị pH của dung dịch X là:

- A. 5,4 B. 4,74 C. 3,6 D. 6,7

Câu 22: Thuốc thử để phân biệt 4 dung dịch Na_2CO_3 , Na_2SO_4 , NaOH , HCl đựng trong 4 lọ mất nhãn riêng biệt là:

- A. Dung dịch H_2SO_4 B. Dung dịch AgNO_3 C. Dung dịch BaCl_2 D. phenolphthalein

Câu 23: Cho các chất: $\text{KAl}(\text{SO}_4)_2 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$ (saccarozơ), CH_3COOH , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, $\text{CH}_3\text{COONH}_4$. Số chất điện li là:

- A. 2 B. 5 C. 4 D. 3

Câu 24: Cho các dung dịch sau: Na_2S , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, K_2CO_3 , $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, NaNO_2 , $\text{Ba}(\text{CH}_3\text{COO})_2$. Số dung dịch có pH > 7 là:

- A. 3 B. 6 C. 5 D. 4

Câu 25: Pha loãng 10 ml dung dịch HCl vào nước thành 250 ml dung dịch. Dung dịch thu được có pH = 3. Xác định pH của dung dịch HCl trước khi pha loãng?

- A. 2,1 B. 1,6 C. 1,8 D. 2,4

Câu 26: Hòa tan các muối sau vào nước NaCl, AlCl₃, NaHCO₃, CuSO₄, Fe(NO₃)₂. Số dung dịch tạo môi trường axit là:

- A. 5 B. 3 C. 4 D. 1

Câu 27: Hãy dự đoán hiện tượng xảy ra khi thêm dd Na₂CO₃ vào dd AlCl₃:

- A. Có kết tủa màu nâu đỏ.
B. Có kết tủa màu nâu đỏ và sủi bọt khí.
C. Có kết tủa keo trắng và sủi bọt khí.
D. Có bọt khí sủi lên.

Câu 28: Cho các dung dịch có cùng nồng độ mol: CH₃COOH (1), Fe(NO₃)₃ (2), Na₂HPO₄ (3). Chiều giảm dần độ dẫn điện của các dung dịch trên là:

- A. (1) > (3) > (2) B. (3) > (2) > (1) C. (1) > (2) > (3) D. (2) > (3) > (1)

Câu 29: Trong các muối sau: BaCl₂, NaNO₃, Na₂CO₃, K₂S, CH₃COONa, NH₄Cl, ZnCl₂, KI. Các muối đều không bị thủy phân là:

- A. NaNO₃, K₂S, ZnCl₂, KI B. BaCl₂, NaNO₃, Na₂CO₃, K₂S
C. BaCl₂, NaNO₃, KI D. Na₂CO₃, CH₃COONa, NH₄Cl, ZnCl₂

Câu 30: Có hiện tượng gì xảy ra khi nhỏ từ từ đến dư dd NaOH vào dd AlCl₃?

- A. Không có hiện tượng gì.
B. Có kết tủa keo trắng xuất hiện không tan trong NaOH dư
C. Có kết tủa keo trắng xuất hiện không tan trong NaOH dư.
D. Có kết tủa keo trắng xuất hiện tan trong NaOH dư

Cho Al = 27 , Ba = 137, Mg = 24, S = 32, O = 16, H = 1, Na= 23, C = 12, N = 14